

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 586/2025/DS-PT
Ngày 21-8-2025
“V/v Tranh chấp dân sự về
hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành.

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Kiên

Ông Nguyễn Phú Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Viết Hùng, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Huỳnh Thị Đạm,
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 08 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 340/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025, về việc “*Tranh chấp dân sự về hụi*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2025/DS-ST ngày 25 tháng 03 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 452/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 07 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Thanh N, sinh năm 1971; Căn cước công dân: , Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) – Có mặt tại phiên tòa.

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số A ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) – Có mặt tại phiên tòa.

* *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Thành Đ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 01 năm 2024, trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh N do anh Huỳnh Thanh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà N có làm chủ hội, ngày 09/02/2020 âm lịch có khai hội 1.000.000đ gồm 24 hội viên mỗi tháng khai một lần, anh Đ tham gia 02 phần, hội khai lần thứ 7 thì anh Đ hốt hội, lần này anh Đ bỏ hội 300.000 đồng. Tổng số tiền anh Đ hốt hội là 35.000.000 đồng, trừ tiền huê hồng 400.000đ và tiền anh Đ mượn trước của bà N 2.300.00 đồng, tổng cộng là 2.700.000 đồng nên số tiền hốt hội bà N giao cho anh Đ là: 32.300.000 đồng, bà N đã giao đủ tiền hội cho anh Đ. Sau khi hốt hội anh Đ đóng hội được 10 lần còn lại 07 lần anh Đ không đóng, tổng số tiền chưa đóng là 14.000.000đ và bà N đã đóng thay cho anh Đ. Nay bà N yêu cầu anh Đ trả lại cho bà N 14.000.000đ tiền hội và tính lãi từ ngày 09/01/2022 âm lịch (ngày mãn hội) đến ngày 09/01/2024 là 23 tháng với lãi suất 1%/tháng tiền lãi là 3.220.000đ. Tổng cộng là 17.320.000đ.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày thay đổi yêu cầu về lãi suất, yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng tính từ ngày mãn hội 09/01/2022 đến ngày 09/01/2024 là 23 tháng.

2. Trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Thành Đ trình bày:

Anh Đ có tham gia chơi hội do bà N làm chủ, hội 1.000.000đ, hội khai ngày 09/02/2020 hội có 24 hội viên, anh Đ hốt lần thứ mấy anh Đ không nhớ, không nhớ hốt được bao nhiêu tiền, sau khi hốt hội anh Đ đã đóng đầy đủ hội chết lại cho bà N xong, anh Đ không còn nợ bà N phần hội chết nào. Việc anh Đ đóng hội chết cho bà N là đến kỳ khai hội thì bà N đến lấy tiền hội thì anh Đ đưa tiền cho bà N không có làm giấy tờ ký nhận vì khi tham gia hội thì hội viên nào cũng vậy đóng hội cho chủ hội không có ký nhận. Ngoài phần hội này ra anh Đ không có tham gia phần hội nào khác do bà N làm chủ. Giấy biên nhận mà bà N nộp ghi nội dung “Hội ngày 09/02/2020 Đ có nhận hội 23 người số tiền là 32.300.000đ của thêm mười” là đúng chữ viết chữ ký của anh Đ nhưng biên nhận này là của tiền hội khác trước đó đã lâu rồi. Do anh Đ hốt hội và đã đóng hội chết cho bà N xong nên không đồng ý trả lại cho cho bà N tiền hội là 17.220.000đ theo yêu cầu của bà N.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng Cao Thị T1 trình bày:

Bà T1 không có quan hệ bà con gì với bà N và anh Đ. Từ trước đến nay bà T1 có tham gia rất nhiều dây hội do bà N làm chủ, trong dây có dây hội khuy ngày 09/02/2020, dây hội này có 24 hội viên, trong danh sách hội viên bà N giao cho bà T1 thì bà T1 đứng số thứ tự số 7, trong dây hội này anh Nguyễn Thành Đ có tham gia 02 phần, bà T1 hốt hội lần thứ 8, anh Đ hốt 02 phần hội lần thứ 7 nhưng hốt bao nhiêu tiền bà T1 không biết vì việc giao nhận tiền tiền hội là giữa bà N và anh Đ, bà T1 không chứng kiến, sau khi hốt hội Đ có đóng hội chết cho bà N hay không bà T1 không biết.

4. Trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng Lê Ánh T2 trình bày:

Bà T2 không có quan hệ bà con gì với bà N và anh Đ. Từ trước đến nay bà T1 có tham gia rất nhiều dây hội do bà N làm chủ, trong dây có dây hội khuy ngày 09/02/2020, dây hội này có 24 hội viên, trong danh sách hội viên bà N giao cho bà T2 thì bà T2 đứng số thứ tự số 22, 23, trong dây hội này Nguyễn Thành Đ có tham gia 02 phần, bà T2 hết thời gian cuối của dây hội bà T2 không nhớ chính xác thời gian hết hội, Đ cũng hết 02 phần hội của anh Đ xong nhưng hết lần thứ mấy bà T2 không biết và không biết được bao nhiêu tiền, việc bà N giao tiền hội cho anh Đ và anh Đ có đóng hội chết cho bà N không thì bà T2 không biết.

* Tại Quyết định Bản án sơ thẩm số: 20/2025/DS-ST ngày 25 tháng 03 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp) đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh N. Buộc anh Nguyễn Thành Đ có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Thanh N vốn và lãi của tiền hội là 16.672.000đ (mười sáu triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn đồng).

2. Về án phí: Nguyễn Thành Đ phải chịu 833.000đ tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về hướng dẫn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25 tháng 03 năm 2025, anh Nguyễn Thành Đ kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2025/DS-ST ngày 25 tháng 03 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp), không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh N trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn. Yêu cầu bị đơn là anh Nguyễn Thành Đ trả số tiền nợ hội với số tiền 16.672.000đ.

Bị đơn là anh Nguyễn Thành Đ trình bày: Vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thành Đ. Giữ nguyên nội dung quyết định bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thị Thanh N đối với bị đơn là anh Nguyễn Thành Đ về việc nợ hui nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp nợ hui*” là phù hợp với quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Đ không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo, thời hạn kháng cáo trong hạn theo luật định. Tòa án Tỉnh thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh N, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận định: Số tiền nợ hui do bà N yêu cầu khởi kiện tại cấp sơ thẩm thì bà N đã nộp tài liệu chứng cứ (biên nhận ngày 09/8/2020) về việc bà N giao tiền hui cho Đ nhận số tiền là 32.300.000 đồng và tài liệu chứng cứ này được bị đơn là anh Đ thừa nhận tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay là đúng chữ ký, chữ viết của anh Đ, nên thuộc trường hợp bà N không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, có căn cứ xác định anh Đ đã nhận đủ số tiền 32.300.000 đồng hót hui của dây hui khui ngày 09/02/2020 do bà N làm chủ hui. Ngoài ra bà N cũng trình bày sau khi anh Đ hót hui có đóng hui chết cho bà N được 10 lần (còn lại 07 lần) để khấu trừ vào số tiền mà Đ đã hót hui có làm biên nhận cho bà N việc này là có lợi cho anh Đ, vì 10 lần hui chết anh Đ đã đóng cho bà N được bà N thừa nhận. Từ những phân tích trên xét yêu cầu của bà N về việc yêu cầu anh Đ trả nợ hui số tiền 14.000.000đ và tính lãi từ ngày 09/02/2022 âm lịch (ngày măn hui) đến ngày 09/01/2024 là 23 tháng với lãi suất 0,83%/ tháng tiền lãi là 2.672.000đ, tổng cộng là 16.672.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Thành Đ, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy anh Đ kháng cáo yêu tuyên sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền vốn và lãi của tiền hui là 16.672.000 đồng (mười sáu triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn đồng) vì anh Đ cho rằng, anh Đ có tham gia chơi hui do bà N làm chủ, hui 1.000.000đ, hui khui ngày 09/02/2020, hui có 24 hui viên, anh Đ hót lần thứ mấy anh Đ không nhớ, không nhớ hót được bao nhiêu tiền, sau khi hót hui anh Đ đã đóng đầy đủ hui chết lại cho bà N xong, anh Đ không còn nợ bà N phần hui chết nào. Việc anh Đ đóng hui chết cho bà N là đến kỳ khui hui bà N đến lấy tiền hui thì anh Đ đưa tiền cho bà N, giữa hai bên không có làm giấy tờ ký nhận. Lời trình bày trên của anh Đ không được bà N thừa nhận nhưng anh Đ cũng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh là anh Đ đã đóng hết hui chết đầy đủ cho bà N của dây hui khui ngày 09/02/2020. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của anh Đ là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thành Đ.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7- Đồng Tháp).

[3] Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ nên chấp nhận;

[4] Do yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thành Đ không được chấp nhận nên anh Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 38; Điều 147; Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thành Đ;
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7- Đồng Tháp).

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh N.

Buộc Nguyễn Thành Đ có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Thanh N vốn và lãi của tiền hụi là 16.672.000đ (mười sáu triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Thành Đ phải chịu 833.000đ tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Bà Phạm Thị Thanh N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 431.000đ (Bốn trăm ba mươi một nghìn đồng), theo biên lai thu nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014171 ngày 04/11/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Đồng Tháp).

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Nguyễn Thành Đ phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005779 ngày 26/3/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Đồng Tháp).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Phòng TT,KT và THA TAND Tỉnh;
- TAND KV7;
- VKSND KV7;
- THADS Tỉnh;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS ^(L.Hùng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trung Thành